

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **09/2020/DS-ST**
Ngày: **12/6/2020**
V/v tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Hưng
2. Ông Bùi Thanh Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Trang- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Quốc- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 223/2019/TLST-DS ngày 16/9/2019 về tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐST- DS ngày 20/5/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Sacombank)**. Trụ sở: 266-268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Lê Trường S**- Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh Cần Thơ. Địa chỉ: 95-97-99 đường V, phường TA, quận N, thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 17/10/2019). Có mặt.

* Bị đơn: Ông **Chung Hữu N**; sinh năm: 1980. HKTT: G3- 52 Đường số N, Khu dân cư N, khu vực TT, phường PT, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày:

Ngày 21/12/2016, ông Chung Hữu N có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, với

hạn mức cấp tín dụng là **40.000.000đ**, mục đích tiêu dùng cá nhân, phải thanh toán vào cuối mỗi tháng.

Quá trình sử dụng Thẻ tín dụng: Ông N đã thực hiện các giao dịch tổng cộng số tiền là **65.132.520đ** nhưng chỉ thanh toán được vốn và lãi tổng cộng **49.003.687đ**; do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của Hợp đồng nên sau nhiều lần nhắc nhở, ngày 31/5/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của ông N và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 12/6/2020, ông N còn nợ Ngân hàng:

- *Nợ gốc:* **45.362.013đ**;
- *Lãi quá hạn:* **21.433.734đ**;
- *Tổng cộng:* **66.795.747đ**.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Chung Hữu N phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền **66.795.747đ** (Sáu mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn bảy trăm bốn mươi bảy đồng) (trong đó: nợ gốc 45.362.013đ + lãi tạm tính đến ngày 12/6/2020: 21.433.734đ) và lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2020 đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quy định của Hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Chung Hữu N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, còn lại các thủ tục khác là phù hợp quy định pháp luật.

- **Về việc giải quyết vụ án:** Do ông N là người ký hợp đồng tín dụng sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, ông N đã đồng ý thống nhất các điều khoản thỏa thuận về thời hạn thanh toán, mức lãi suất, các loại phí khi sử dụng Thẻ của Ngân hàng. Do đó, trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện ông N phải trả nợ là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 45.362.013đ + lãi tạm tính đến ngày 12/6/2020: 21.433.734đ; tổng cộng số tiền **66.795.747đ** (Sáu mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn bảy trăm bốn mươi bảy đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2020 đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quy định của Hợp đồng tín dụng đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét mối quan hệ pháp luật:* đây là vụ kiện tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*" được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Chung Hữu N phải trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền **66.795.747đ**; trong đó: nợ gốc 45.362.013đ + lãi tạm tính đến ngày 12/6/2020: 21.433.734đ và lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2020 đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quy định của Hợp đồng; Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Chung Hữu N có ký **Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng** ngày 21/12/2016 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S để vay tiền của Ngân hàng theo hình thức sử dụng Thẻ tín dụng; theo đó, ông N đã đồng ý thống nhất các điều khoản thỏa thuận về thời hạn thanh toán, mức lãi suất, các loại phí sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng khi ký kết hợp đồng với Ngân hàng.

Do quá trình sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, ông N đã sử dụng dịch vụ thanh toán, cấp tín dụng của Ngân hàng nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như thỏa thuận của hợp đồng; vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông N phải trả số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu là có cơ sở nên được chấp nhận. Do đó, ông N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền cụ thể như sau:

Nợ gốc: 45.362.013đ + lãi tạm tính đến ngày 12/6/2020: 21.433.734đ = **66.795.747đ** và lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2020 đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quy định của Hợp đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông N phải chịu (**66.795.747đ** x 5%) = **3.339.800đ** án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 227; Điều 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng.
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Chung Hữu N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền: **66.795.747đ** (Sáu mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn bảy trăm bốn mươi bảy đồng); trong đó, nợ gốc: 45.362.013đ + lãi tạm tính đến ngày 12/6/2020: 21.433.734đ và lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2020 đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Chung Hữu N phải chịu **3.339.800đ** (Ba triệu ba trăm ba mươi chín ngàn tám trăm đồng).

Nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp **1.229.000đ** theo biên lai số 005636 ngày 11/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết đối với bị đơn; các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THA Q. C.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Nguyễn Thị Thùy Trang

